

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-11-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý

Ông Hứa Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Chị N và anh N cưới nhau tự nguyện năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 04 năm 2016 và được Ủy ban nhân dân thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, đã sống ly thân

từ năm 2019 đến nay. Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 19/10/2015 và Nguyễn Ý Như N, sinh ngày 05/10/2017, đang chung sống với chị.

Chị N yêu cầu được ly hôn với anh N, xin được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng N có lời khai ngày 01/11/2021 như sau:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị N anh N không ý kiến gì, anh đồng ý ly hôn với chị N, đồng ý giao con chung Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 19/10/2015 và Nguyễn Ý Như N, sinh ngày 05/10/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn với anh N và giao cho chị N được nuôi dưỡng 02 người con chung đến khi con đủ tuổi 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung do không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Trọng N có nơi cư trú tại ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 01/11/2021, nguyên đơn chị N và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày 01/04/2016 anh N và chị N đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của nguyên đơn thể hiện, thời

gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, nên đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Sau ly thân, vợ chồng không còn quan tâm nhau, không còn tình thương yêu vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị N xin ly hôn và anh N cũng đồng ý là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Căn cứ trích lục khai sinh số 179/TLKS-BS ngày 06/04/2016 và số 31/TLKS-BS ngày 12/01/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng, giữa chị N và anh N có hai người con chung là Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 19/10/2015 và Nguyễn Ý Như N, sinh ngày 05/10/2017 đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi các con đến khi con đủ 18 tuổi và anh N cũng đồng ý, việc thỏa thuận nuôi con là tự nguyện nên yêu cầu của chị N có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, nguyên đơn chị N là người yêu cầu ly hôn phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn anh N không phải chịu án phí.

[6] Từ phân tích nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 19/10/2015 và Nguyễn Ý Như N, sinh ngày 05/10/2017 cho chị Ngân trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Trọng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001165 ngày 24/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh T. Chị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- UBND thị trấn Phú L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nam